

AP – 2015
TỈNH QUANG BÌNH



**TRIỂN KHAI LỒNG GHÉP
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN VÀ
XĐGN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

Trong bối cảnh đổi mới công tác kế hoạch hoá

NỘI DUNG

- Bối cảnh đổi mới KHH và mục tiêu của Dự án lồng ghép
- Phương thức triển khai (Chương trình hoạt động và cách thức tổ chức phối hợp)
- Kết quả đạt được
- Phát hiện các vấn đề
- Kiến nghị hướng khắc phục
- Đề xuất mục tiêu và chương trình hành động triển khai lồng ghép Chiến lược TT&XĐGN trong kế hoạch 5 năm 2006-2010

BỐI CẢNH

Đổi mới công tác KHH

Báo cáo của Bộ KH&ĐT tại cuộc họp CG giữa kỳ 16 tháng 6 năm 2004

- *Các kế hoạch xây dựng dựa trên cơ sở thống nhất giữa Chiến lược TT&XĐGN và Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, với sự phân cấp ngày càng mạnh mẽ hơn và giao quyền nhiều hơn cho các cấp lập kế hoạch*
- *Mở rộng đối tượng tham gia lập kế hoạch, kế hoạch xây dựng nhiều vòng thông qua nhiều hình thức hội thảo, phỏng vấn sâu trao đổi ý kiến, tham vấn cộng đồng và người dân....*
- *Công khai, minh bạch quá trình quản lý và phân bổ ngân sách, tạo điều kiện tham vấn cộng đồng về mục tiêu đầu tư.*
- *Đưa các chỉ tiêu kế hoạch tính toán chuẩn, có thể so sánh được*

MỤC TIÊU

- **Mục tiêu tổng quát** :
- Triển khai lồng ghép Chiến lược TT&XĐGN vào kế hoạch phát triển hàng năm và 5 năm phù hợp với tình hình phát triển KT-XH và đặc điểm đói nghèo của tỉnh.
- **Mục tiêu cụ thể** :
- *Tăng cường năng lực* cho đội ngũ cán bộ, đặc biệt cán bộ làm kế hoạch
- *Hỗ trợ tỉnh xây dựng kế hoạch 2005 và 5 năm 2006-2010* gắn với XĐGN dưới sự chỉ đạo của Bộ KH&ĐT theo hướng đổi mới công tác KHH.
- Phát hiện các vấn đề và rút ra các “bài học” trong quá trình triển khai thực hiện lồng ghép.
- Kiến nghị các giải pháp và tư vấn cho các cấp lãnh đạo UB nhân dân HĐND các cấp về vấn đề lập kế hoạch và xây dựng kế hoạch ngân sách.
- Trao đổi kinh nghiệm với các tỉnh đang thực hiện thí điểm lồng ghép : Sơn La, DakLak, Ninh Bình, Tra Vinh...₄

YÊU CẦU CẦN PHẢI ĐẠT ĐƯỢC

- 1. Lựa chọn các mục tiêu lồng ghép phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của Quảng Bình; cụ thể hoá các mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs) và mục tiêu quốc gia (VDGs)**
- 2. Chú trọng tăng các chỉ tiêu kế hoạch phản ánh chất lượng tăng trưởng : mức sống, việc làm, vệ sinh môi trường, bình đẳng giới...**
- 3. Bổ sung thêm các chỉ tiêu kế hoạch về lĩnh vực xã hội, chú trọng các chỉ tiêu liên quan đến XĐGN.**
- 4. Giới thiệu phương pháp tính toán chuẩn hoá**
- 5. Công khai các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách đến tất cả đối tượng có liên quan, minh bạch quá trình triển khai, giám sát nhằm nâng cao vai trò của cấp kế hoạch cấp dưới.**
- 6. Kết hợp lồng ghép kết quả “Lập kế hoạch thôn bản” (VDP), vào xây dựng kế hoạch hàng năm.**

CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Cơ quan và các đối tác chủ yếu

- UB nhân dân, HĐND các cấp
- Các Sở Ban ngành cấp tỉnh, huyện, xã.
- Cục Thống kê tỉnh
- Các tổ chức, Hiệp hội, đoàn thể quần chúng
- Ban quản lý các dự án ODA và các tổ chức phi chính phủ NGOs
- Cộng đồng cấp thôn bản

Sở KH&ĐT Tổ công tác Thực hiện lồng ghép

Các hoạt động

Tổ chức phối hợp và lên chương trình hành động

-Tập huấn tăng cường năng lực

-Trao đổi tham vấn ý kiến với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch lồng ghép

Giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch

Phát hiện các vấn đề, xác định nguyên nhân

Kiến nghị các giải pháp với các cấp có thẩm quyền về kế hoạch và ngân sách

HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Lập Tổ công tác, thống nhất về quan điểm và phương pháp tiếp cận.
2. Tổng quan các tài liệu, số liệu và thông tin hiện có liên quan đến MDG, VDG, CPRGS, KH phát triển tổng thể, quy trình KH và tình hình XĐGN.
3. Tổ chức hội thảo tập huấn cho các cấp, ngành lập kế hoạch có sự tham gia rộng rãi của các thành phần hữu quan: nhà đầu tư, nghiên cứu, các Hiệp Hội...
4. Hướng dẫn cụ thể phương pháp lồng ghép
5. Hội thảo vòng 2, vòng 3 với cấp ngành, huyện, xã góp ý kiến về kế hoạch đã soạn thảo, có sự tham gia của các tổ chức cộng đồng
6. Phỏng vấn sâu cấp Sở ngành và huyện xã có lựa chọn
7. Kiến nghị lên các cấp UBND và HĐND.

KẾT QUẢ

- **Củng cố mối liên kết “dọc” và “ngang”. Tham vấn rộng rãi hơn, nhiều vòng hơn làm tăng độ nhất quán và tính thống nhất về thông tin và chỉ tiêu Kế hoạch.**
- **Hơn 30 chỉ tiêu kế hoạch về XĐGN và liên quan đến XĐGN được bổ sung thêm vào KH 2005 và KH 5 năm.**
- **Xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch theo giai đoạn và theo địa bàn huyện, xã.**
- **Các chỉ tiêu kế hoạch gắn nhiều hơn với kế hoạch ngân sách, dự án đầu tư và chương trình hoạt động xếp theo trình tự ưu tiên.**
- **Kế hoạch thôn bản “VDP” được coi là công cụ hỗ trợ lập kế hoạch cấp cơ sở có sự tham gia của người dân thực hiện tại 2 huyện nghèo nhất Tuyên Hóa và Minh Hoá.**

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TT&XĐGN CỦA QUẢNG BÌNH (SỐ LIỆU ĐẾN 2003)

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn duy trì ở mức cao và ổn định** : 8,3% thời kỳ 1991-2000, năm 2003 đạt 8,7%, trong đó N-L-N 4,9%, CN-XD 14,1%, DV 8,2%, cao hơn so với cả nước tương ứng là 7,3%; 3,2%; 10,3% và 6,6%.
- **Chuyển dịch cơ cấu nhanh**, tỷ trọng CN-XD tăng 1,6%/năm so với cả nước 1,4%/năm, nông – lâm- ngư nghiệp giảm 1,65%/năm so với cả nước giảm 0,7%/năm
- **QB là một tỉnh còn nghèo**, GDP/người năm 2003 là 3,8 triệu đ tương đương 244 USD/n, so với cả nước là 500 USD/n. Huy động ngân sách thấp (11,4%GDP), xuất khẩu b/q đầu người 22,2 USD bằng 1/10 mức trung bình toàn quốc. Đầu tư từ nguồn vốn ngân sách TW+ĐP và các nguồn tín dụng có nguồn gốc ngân sách chiếm 3/4 tổng vốn đầu tư của tỉnh, thể hiện tỉnh nhận được sự hỗ trợ lớn của cả nước và các tổ chức tài trợ, tuy nhiên khả năng nội lực còn yếu.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TT&XĐGN CỦA QUẢNG BÌNH (SỐ LIỆU ĐẾN 2003)

- **Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm mạnh** từ 23,86% năm 2000 xuống 18,6% năm 2002, 16,6% năm 2003, và ước 14,6% năm 2004 đạt mức giảm 2,32%/năm, cao hơn so với mức trung bình toàn quốc, tuy nhiên thấp hơn so với mục tiêu đề ra là 3-4%/năm. Trong bảng xếp hạng nghèo đói năm 2003, Quảng Bình đứng thứ 55/64 tỉnh thành.
- **Giải quyết việc làm cho khoảng gần 2 vạn người/năm.** Tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm còn 4,5% so với mức cả nước 5,8%
- Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh 2,7% thấp hơn cả nước 3,2%, tỷ lệ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi 37% cao hơn cả nước (28%). Tỷ lệ mẹ tử vong thai sản cao hơn cả nước (0,8% so với 0,2%). Mức giảm tỷ suất sinh cao 0,7% so với 0,4%. Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS 0,04% thấp hơn cả nước (0,08%).
- **Chỉ tiêu môi trường** : độ che phủ rừng cao 63,5%, gần gấp 2 lần cả nước, tỷ lệ thu gom rác thải ở đô thị cao hơn mức trung bình của cả nước. Tỷ lệ nhà tạm còn cao ở khu vực nông thôn (trên 40%) so với cả nước 24%, song không có nhà ở chuột đô thị. Tỷ lệ hộ sử dụng công trình vệ sinh thấp (20%), tỷ lệ tiếp cận nước sạch thấp (35% khu vực nông thôn và trên 50% khu vực thành thị) so với cả nước 54%.
- **Tỷ lệ tiếp cận hạ tầng thiết yếu của QB đều khá hơn trung bình cả nước (92-95%)** và mức độ phổ cập giáo dục cao hơn.
- **Chỉ tiêu về giới và dân tộc chưa được quan tâm đầy đủ.**

TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA QUẢNG BÌNH

Tỉnh, thành phố	Thu Nhập GDP 2002	HDI 2001	Trình độ phát triển 2003	Tỷ lệ nghèo theo chuẩn	
				Quốc tế 2002	Việt Nam 2003
Cả nước					
Cao nhất (tốt nhất)	3537USD ⁽¹⁾	0,835 ⁽¹⁾	0,794 ⁽¹⁾	2,0 ⁽¹⁾	1,0 ⁽¹⁾
Thấp nhất	143 USD ⁽⁶¹⁾	0,486 ⁽⁶¹⁾	0,171 ⁽⁶¹⁾	76,6 ⁽⁶¹⁾	31,8 ⁽⁶¹⁾
Trung bình	450 USD ⁽⁸⁾	0,66 ⁽³²⁾	0,481 ⁽³⁰⁾	28,9 ⁽²⁶⁾	11,0 ⁽³³⁾
Trình độ phát triển	Xếp theo thứ tự theo tỉnh				
Ninh Bình	54	30	16	31	28
Thanh Hóa	43	33	26	51	50
Quảng Bình	40	44	31	39	55
Nam Định	41	12	13	27	34
Cao Bằng	30	55	60	55	48
Đắk Lắk	56	41	40	53	53
Thừa Thiên – Huế	27	35	29	28	34

Thứ tự	Nhóm Mục tiêu	Số lượng chỉ tiêu
1	XÓA ĐÓI GIAM NGHÈO	5
2	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU CHO CÁC XÃ	19
3	TẠO VIỆC LÀM	12
4	PHỔ CẬP VÀ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	11
5	GIAM TỶ LỆ SINH, GIẢM TỶ LỆ CHẾT CỦA TRẺ EM VÀ SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM	16
6	CAI THIỆN SỨC KHOẺ BÀ MẸ.	3
7	HIV/AIDS, BỆNH DỊCH VÀ CÁC BỆNH XÃ HỘI KHÁC	4
8	ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ, VÀ PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ	6
9	BAO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG	6
10	GIAM KHA NANG BỊ TỔN THƯƠNG	9
11	BÌNH ĐẲNG GIỚI	4
12	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XDGN	4
	TỔNG SỐ	99 (35 chỉ tiêu mới)

TỔ CHỨC PHỐI HỢP KẾ HOẠCH LÔNG GHÉP XĐGN VỚI KẾ HOẠCH THÔN BẢN

- Các chỉ tiêu định hướng được chuẩn bị từ trước đưa xuống, là khung hướng dẫn lập kế hoạch xã và thôn bản.
- Kế hoạch thôn bản (kế hoạch nguyện vọng) được tập hợp trình lên ở cấp xã để tham khảo lập kế hoạch.
- Kế hoạch giải pháp (bao gồm các chương trình hoạt động, nhu cầu vốn đầu tư) thực hiện các mục tiêu kế hoạch được tập hợp từ dưới lên
- Có cơ chế phối hợp giữa các cấp, ngành, các đối tác có liên quan, có lịch trình triển khai, thực hiện giám sát.

Phát hiện các vấn đề

1. *Cần củng cố cả mối liên kết “ngang” và “ dọc”*

- Mặc dù Bộ KH&ĐT chỉ đạo lồng ghép KH với mục tiêu XDGN, các bộ ngành liên quan chưa được thông báo chính thức về vai trò và trách nhiệm tham gia nên chưa sẵn sàng phối hợp tích cực
- Mục tiêu của Chiến lược TT&XDGN có tính chất liên ngành, thiếu sự tham gia tích cực và toàn diện của các cơ quan, Bộ, ngành, nhất là của Tổng cục Thống kê, Bộ LĐ&TBXH và Bộ Tài chính, các mục tiêu đó không thể thực hiện được.
- Hầu hết các mục tiêu kế hoạch XDGN gắn với chương trình mục tiêu thuộc ngành . Nhất thiết phải có sự thống nhất quan điểm giữa các ngành về nguồn thông tin và đề xuất các mục tiêu.

Phát hiện các vấn đề

(tiếp.)

2. ***Phân cấp và trao quyền phải đi đôi với tăng cường năng lực lập kế hoạch ở cấp cơ sở và năng lực giám sát, đánh giá của cấp trên .***
 - Cán bộ kế hoạch địa phương thiếu cả về số lượng và chất lượng. Họ thiếu thông tin về Chiến lược TT& XĐGN, thiếu kỹ năng lập kế hoạch gắn với ngân sách, năng lực thẩm định dự án, thu thập và xử lý số liệu, đặc biệt kỹ năng giám sát và đánh giá thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ...Để giảm lãng phí nguồn lực, thậm chí tham nhũng ở cấp địa phương trong bối cảnh phân cấp KHH, tăng cường năng lực cấp kế hoạch huyện, xã song song với năng lực giám sát và đánh giá cấp tỉnh, Trung ương là vấn đề cấp thiết.
 - Lập kế hoạch căn cứ vào kết quả đầu ra, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, ngành và sự tham gia của cộng đồng được công nhận là công cụ rất hữu ích. Tuy nhiên hầu hết các cán bộ ngành kế hoạch ít hiểu biết về công cụ này. Cần tập huấn tăng cường nhận thức và kỹ năng vận dụng.

Phát hiện các vấn đề

(tiếp.)

3. **Thời gian dành cho quy trình lập kế hoạch rất ngắn** gây áp lực lớn cho việc thực hiện tham vấn các cấp, ngành và cộng đồng; Trong hoàn cảnh này, thậm chí việc thông qua kế hoạch một số vòng chỉ là hình thức .
4. **Quy định còn tương đối cứng nhắc** trong phân bổ ngân sách theo các chương trình và mục tiêu phần nào hạn chế địa phương trong việc phân bổ lại vốn đầu tư cho hợp lý với hoàn cảnh đặc thù của tỉnh, kể cả trong trường hợp một số hướng ưu tiên đầu tư đã được cân nhắc và nhất trí lại.
5. Căn cứ vào các mục tiêu Thiên niên kỷ và quốc gia, **cần có sự thay đổi quan điểm của cấp Chính quyền địa phương** đối với **vấn đề giới và phát triển đảm bảo bền vững môi trường**.
6. **Cần có sự cải cách căn bản về cơ chế** tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia lập kế hoạch (dân biết, bàn, làm và kiểm tra); hiện tại, ngay cả các tổ chức đoàn thể, Hiệp hội có vai trò tích cực trong công tác XĐGN cũng chưa có tiếng nói trong lập chỉ tiêu kế hoạch

Các kiến nghị

1. Cần nêu rõ các chỉ tiêu kế hoạch gắn với XĐGN đã được bổ sung vào **trong các Nghị quyết và Chỉ thị của Hội đồng nhân dân các cấp** về việc triển khai lập kế hoạch hàng năm và 5 năm .
2. **Tiếp tục tập huấn đào tạo nhằm tăng cường năng lực** cho đội ngũ cán bộ kế hoạch địa phương về phương pháp xây dựng kế hoạch gắn tăng trưởng với mục tiêu XĐGN, về phương pháp lập kế hoạch có sự tham vấn rộng rãi và coi trọng kế hoạch lập từ dưới lên .
3. **Tăng cường liên kết phối hợp giữa Bộ KH&ĐT với các Bộ ngành**, thúc đẩy đối thoại liên ngành nhằm xác định các mục tiêu ưu tiên ở cấp địa phương.
4. **Tiến hành điều tra bổ sung** các chỉ tiêu chưa có thông tin hoặc thông tin thiếu thống nhất và phổ biến rộng rãi thông tin đến các cấp lập kế hoạch.
5. **Có phương thức giảm bớt áp lực về thời gian lập kế hoạch** tạo điều kiện tham vấn trao đổi thống nhất về thông tin và mục tiêu kế hoạch có kết quả.

Các kiến nghị (tiếp.)

6. **Xây dựng chương trình đầu tư cấp tỉnh**, đảm bảo một cơ cấu ưu tiên vốn dành cho người nghèo.
7. **Thể chế hoá quy trình lập kế hoạch và ngân sách mới** có sự tham gia đồng đẳng của các tổ chức, đoàn thể, nhấn mạnh vai trò các đoàn thể xã hội.
8. **Thành lập Ban chỉ đạo xoá đói giảm nghèo trực thuộc UBND tỉnh** với 2 cơ quan tham mưu chính là Sở KH&ĐT, Sở Tài chính giữ chức năng điều phối các dự án XĐGN từ mọi nguồn vốn nhằm giảm thiểu sự chồng chéo, tăng hiệu quả và tính thống nhất.
9. **Thành lập Ban giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch** do Cục thống kê tỉnh làm điều phối hướng dẫn thu thập, xử lý, tổng hợp và lưu giữ thông tin với sự tham gia của các Sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan: Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở lao động thương binh và xã hội, Hội nông dân, Hội phụ nữ tỉnh.

Đề xuất mục tiêu và chương trình hành động triển khai KH 5 năm 2006-2010 lồng ghép với mục tiêu XĐGN

1. Tăng cường đối thoại liên ngành:

- Thành lập Tổ công tác năm vai trò chỉ đạo và điều phối, giám sát và đánh giá quá trình triển khai lồng ghép với các thành viên chủ chốt từ Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Cục thống kê, Sở LĐ&TBXH; dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo UBND tỉnh. Các phát hiện và kiến nghị trong quá trình triển khai sẽ được báo cáo trực tiếp lên UBND.

2. Tiếp tục đào tạo tăng cường năng lực

- Tiếp tục tổ chức Hội thảo tập huấn cấp tỉnh, huyện, xã về phương pháp thu thập, xử lý số liệu, phương pháp tính toán chuẩn, gắn mục tiêu kế hoạch 5 năm với chương trình đầu tư quốc gia và quy hoạch Tổng thể, nhấn mạnh lập kế hoạch từ dưới lên và thu hút sự tham gia rộng rãi của nhân dân (mời giáo viên từ Trung ương về)

3. Đưa hoạt động giám sát và đánh giá thực hiện các mục tiêu kế hoạch và ngân sách

- Ra chỉ thị về công tác giám sát và đánh giá kế hoạch, nêu phương thức tổ chức, tiến hành, thu thập xử lý và lưu giữ số liệu, tổ chức hội thảo tập huấn và đánh giá có sự tham gia của Tổng cục thống kê.

Đề xuất mục tiêu và chương trình hành động triển khai KH 5 năm 2006-2010 (Tiếp.)

4. Hội thảo các sở ban ngành và đối tác có liên quan cấp tỉnh và huyện

- Lấy ý kiến đóng góp về Bản KH 5 năm gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH và kế hoạch hàng năm.

5 Tổ chức hội thảo liên vùng

- Trao đổi bài học kinh nghiệm và phương thức triển khai lồng ghép với các tỉnh đang thực hiện thí điểm
- Trao đổi về hệ thống biểu mẫu và quy trình thực hiện có thể áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn quốc (dưới sự điều phối, tổ chức của Tổ thư ký công tác liên ngành- Bộ KH&ĐT).